

Số: /NQ-HĐND

Long Phú, ngày tháng 12 năm 2021

ĐỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương huyện Long Phú năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Long Phú về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương huyện Long Phú năm 2021;

Theo Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương huyện Long Phú năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương huyện Long Phú năm 2021, với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách địa phương năm 2021 là 154 tỷ 547 triệu đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh 580 tỷ 838 triệu đồng.

a) Điều chỉnh tăng thu bổ sung từ ngân sách tỉnh 100 tỷ 490 triệu đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh 489 tỷ 681 triệu đồng.

b) Tăng thu từ khoản chi chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2020 sang năm 2021 là 16 tỷ 342 triệu đồng.

c) Tăng thu kết dư ngân sách địa phương năm trước 37 tỷ 715 triệu đồng (trong đó, kết dư ngân sách cấp huyện 36 tỷ 323 triệu đồng; kết dư ngân sách xã, thị trấn 01 tỷ 392 triệu đồng).

2. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021 là 154 tỷ 547 triệu đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh 580 tỷ 838 triệu đồng.

a) Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp huyện là 149 tỷ 542 triệu đồng (trong đó, tăng dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh 98 tỷ 252 triệu đồng; tăng dự toán chi ngân sách cấp huyện từ khoản chi chuyển nguồn 14 tỷ 967 triệu đồng và tăng dự toán chi từ khoản thu kết dư ngân sách cấp huyện năm 2020 là 36 tỷ 323 triệu đồng). Dự toán sau khi điều chỉnh là 528 tỷ 187 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng dự toán chi bổ sung ngân sách xã, thị trấn 05 tỷ 005 triệu đồng (trong đó, điều chỉnh tăng dự toán chi bổ sung có mục tiêu là 02 tỷ 238 triệu đồng; tăng dự toán chi ngân sách xã, thị trấn từ khoản chi chuyển nguồn 01 tỷ 375 triệu đồng và tăng dự toán chi từ khoản kết dư ngân sách xã, thị trấn năm 2020 là 01 tỷ 392 triệu đồng). Dự toán sau khi điều chỉnh là 52 tỷ 651 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Long Phú có trách nhiệm tập trung chỉ đạo, điều hành ngân sách các cấp thuộc chính quyền địa phương theo dự toán điều chỉnh tại Điều 1 Nghị quyết. Trường hợp được bổ sung vốn để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể (không thuộc nhiệm vụ nêu tại Điều 1 Nghị quyết này) thì Ủy ban nhân dân huyện quyết định sử dụng vốn đúng quy định sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện trong kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Long Phú theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Long Phú khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- VP. Đoàn đại biểu QH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT. HU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh đơn vị huyện Long Phú;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND và UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hùng

Phụ lục 1
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
HUYỆN LONG PHÚ NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Long Phú)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng, giảm	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	426.291	154.547	580.838	
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	37.100		37.100	
2	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	389.191	100.490	489.681	
2.1	Thu bổ sung cân đối	325.690		325.690	
2.2	Thu bổ sung có mục tiêu	63.501	100.490	163.991	
	- Thu bổ sung theo dự toán đầu năm	63.501		63.501	
	- Thu bổ sung ngoài dự toán đầu năm (1)		100.490	100.490	Chi tiết theo Phụ lục 2
3	Thu quản lý qua ngân sách nhà nước				
4	Thu chuyển nguồn năm 2021 từ các khoản chi chuyển nguồn năm 2020		16.342	16.342	
	- Thu ngân sách cấp huyện từ khoản thu chuyển nguồn		14.967		
	- Thu ngân sách các xã, thị trấn từ khoản thu chuyển nguồn		1.375		
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		37.715	37.715	
	- Kết dư ngân sách cấp huyện		36.323	36.323	
	- Kết dư ngân sách xã, thị trấn (2)		1.392	1.392	Chi tiết theo Phụ lục 2

Phụ lục 2

**CHI TIẾT SỐ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NGOÀI DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM 2021
VÀ SỐ KẾT DƯ NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Long Phú)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
(1)	Số bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán đầu năm 2021:	100.490	
	Bổ sung nhiệm vụ, mục tiêu khác	100.490	
-	Kinh phí thực hiện chính sách đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP	12.431	
-	Kinh phí đảm bảo đợt 1 (chúc thọ, mừng thọ, quà tết; gia đình: chính sách, tiêu biểu, trẻ em hoàn cảnh khó khăn)	107	
-	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ	1.602	
-	Kinh phí để thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn, thời kỳ 1975-2015	75	
-	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1)	330	
-	Kinh phí thực hiện công tác duy tu, nạo vét các kênh, sửa chữa các cống dưới đê (Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư)	4.600	
-	Kinh phí thực hiện công tác quản lý, tuyên truyền và hội thi "Tuyển đường nông thôn mới kiểu mẫu" thuộc Chương trình QG xây dựng NTM	240	
-	Kinh phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng cho lao động	220	
-	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 2)	1.257	
-	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 4)	65	
-	Kinh phí tổ chức Cuộc thi Sáng tạo thanh niên, nhi đồng	30	
-	Kinh phí tổ chức hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh Liệt sĩ (ngày 27/7/2021)	58	
-	Kinh phí phục vụ công tác thủy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn	10	
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về khoa học và công nghệ	100	
-	Kinh phí thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn	50	
-	Kinh phí thực hiện đề chi HD duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015	180	
-	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ	406	
-	Kinh phí để hỗ trợ thực hiện phòng, chống dịch Covid - 19 (Đợt 1)	6.268	
-	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính Phủ.	379	
-	Kinh phí hỗ trợ người lao động không có giáo kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid -19	3.570	
-	Kinh phí để hỗ trợ thực hiện phòng, chống dịch Covid - 19 (Đợt 2)	2.649	

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
-	Kinh phí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 (Vốn NS TW (vốn sự nghiệp))	375	
-	Kinh phí để hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn huyện Long Phú	7	
-	Kinh phí để hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn huyện Long Phú	2.835	
-	Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh được hưởng chính sách theo Chương IX Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính Phủ	63	
-	Kinh phí để thực hiện phòng, chống dịch COVID-19 (Đợt 3)	3.626	
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trẻ em và người cách ly y tế (F1) tại cơ cách ly do cấp huyện quản lý	341	
-	Kinh phí mua 01 xe tải phục vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện Long Phú	326	
-	Kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính Phủ	41	
-	Kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính Phủ	1.818	
-	Kinh phí tăng thêm do chênh lệch mức chuẩn và đối với đối tượng trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	3.023	
-	Kinh phí thực hiện gia cố sạt lở bờ sông trên địa bàn huyện Long Phú (Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư)	3.049	
-	Kinh phí xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, sửa chữa, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật công thoát nước thải công cộng đoạn từ Trường Mầm non thị trấn Đại Ngãi đến Sông Sanintard, thị trấn Đại Ngãi: 1.182.254.011 đ; KP cải tạo, khắc phục ô nhiễm môi trường công trình Bãi xử lý rác lò đốt rác xã Tân Thạnh: 81.660.874 đ	1.264	
-	Kinh phí thực hiện Trường Trung học cơ sở Hậu Thạnh, xã Hậu Thạnh: 5 tỷ 5 triệu đồng ; Trường TH Châu Khánh, xã Châu Khánh: 5 tỷ 5 triệu đồng	11.000	
-	Kinh phí sửa chữa hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư trên địa bàn huyện Long Phú	1.349	
-	Kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp Đường Đặng Quang Minh (đoạn từ cầu Khoan Tang đến Ngã ba Chín Đô); Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Tân Hưng, Tân Thạnh, thị trấn Long Phú; và Công trình Trường Mẫu giáo Trường Khánh, Tân Thạnh, Châu Khánh	20.040	
-	Kinh phí cải tạo, nâng cấp các điểm trường học phục vụ năm học 2021-2022	1.180	
-	Kinh phí để thực hiện sân bóng chuyền cho xã nông thôn mới	120	

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
-	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người dân phải cách ly y tế để phòng, chống dịch Covid -19	5.180	
-	Kinh phí để hỗ trợ thực hiện phòng, chống dịch Covid - 19 (Đợt 5)	10.226	
(2)	Kết dư ngân sách xã, thị trấn	1.392	
-	Ngân sách xã Long Phú	68	
-	Ngân sách thị trấn Long Phú	327	
-	Ngân sách xã Tân Hưng	128	
-	Ngân sách xã Tân Thạnh	57	
-	Ngân sách xã Trường Khánh	109	
-	Ngân sách xã Châu Khánh	97	
-	Ngân sách xã Phú Hữu	71	
-	Ngân sách xã Long Đức	132	
-	Ngân sách xã Hậu Thạnh	82	
-	Ngân sách xã Song Phụng	264	
-	Ngân sách thị trấn Đại Ngãi	57	

Phụ lục 3

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
HUYỆN LONG PHÚ NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Long Phú)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Dự toán đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng, giảm	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	426.291	154.547	580.838	
1	Dự toán chi ngân sách huyện (các đơn vị thuộc huyện quản lý)	378.645	149.542	528.187	
1.1	Chi ngân sách huyện theo phân cấp	378.645	0	378.645	
	- Chi đầu tư phát triển	82.935		82.935	
	- Chi thường xuyên	279.495	-635	278.860	
	- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	9.101		9.101	<i>Chi tiết theo Phụ lục 4</i>
	- Dự phòng ngân sách	7.114	635	7.749	<i>Chi tiết theo Phụ lục 5</i>
1.2	Chi chương trình mục tiêu và số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh	0	98.252	98.252	
	Bổ sung nhiệm vụ, mục tiêu khác		98.252	98.252	
a	Kinh phí thường xuyên		55.770	55.770	
	- Kinh phí thực hiện chính sách đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP		12.431	12.431	
	- KP đảm bảo đợt 1 (chúc thọ, mừng thọ, quà tết; gia đình: chính sách, tiêu biểu, trẻ em hoàn cảnh khó khăn)		107	107	
	- Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ		1.602	1.602	
	- Kinh phí để thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn, thời kỳ 1975-2015		75	75	
	- Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1)		165	165	
	- Kinh phí thực hiện công tác quản lý, tuyên truyền và hội thi "Tuyên đường nông thôn mới kiểu mẫu" thuộc Chương trình QG xây dựng NTM		60	60	
	- Kinh phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng cho lao động		220	220	
	- Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 2)		269	269	

ST T	Chỉ tiêu	Dự toán đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng, giảm	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
	- Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 4)		7	7	
	- Kinh phí tổ chức Cuộc thi Sáng tạo thanh niên, nhi đồng		30	30	
	- Kinh phí tổ chức hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh Liệt sĩ (ngày 27/7/2021)		58	58	
	- Kinh phí phục vụ công tác thủy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn		10	10	
	- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về khoa học và công nghệ		100	100	
	- Kinh phí thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn		50	50	
	- Kinh phí thực hiện đề chi HD duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015		15	15	
	- Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ		336	336	
	- Kinh phí để hỗ trợ thực hiện phòng, chống dịch Covid - 19 (Đợt 1)		6.268	6.268	
	- Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính Phủ.		379	379	
	- Kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid -19		3.570	3.570	
	- Kinh phí để hỗ trợ thực hiện phòng, chống dịch Covid - 19 (Đợt 2)		2.639	2.639	
	- Kinh phí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 (Vốn NS TW (vốn sự nghiệp)		235	235	
	- Kinh phí để hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn huyện Long Phú		7	7	
	- Kinh phí để hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn huyện Long Phú		2.835	2.835	
	- Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh được hưởng chính sách theo Chương IX Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính Phủ		63	63	
	- Kinh phí để thực hiện phòng, chống dịch COVID-19 (Đợt 3)		3.284	3.284	

ST T	Chỉ tiêu	Dự toán đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng, giảm	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
	- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trẻ em và người cách ly y tế (F1) tại cơ cách ly do cấp huyện quản lý		341	341	
	- Kinh phí mua 01 xe tải phục vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện Long Phú		326	326	
	- Kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính Phủ		41	41	
	- Kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính Phủ		1.818	1.818	
	- Kinh phí tăng thêm do chênh lệch mức chuẩn và đối với đối tượng trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ		3.023	3.023	
	- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người dân phải cách ly y tế để phòng, chống dịch Covid -19		5.180	5.180	
	- Kinh phí để hỗ trợ thực hiện phòng, chống dịch Covid - 19 (Đợt 5)		10.226	10.226	
b	Kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư (3)		8.913	8.913	<i>Chi tiết theo Phụ lục 6</i>
	- Kinh phí thực hiện công tác duy tu, nạo vét các kênh, sửa chữa các cống dưới đê (Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư)		4.600	4.600	
	- Kinh phí thực hiện gia cố sạt lở bờ sông trên địa bàn huyện Long Phú (Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư)		3.049	3.049	
	- Kinh phí xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, sửa chữa, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật công thoát nước thải công cộng đoạn từ Trường Mầm non thị trấn Đại Ngãi đến Sông Sanintard, thị trấn Đại Ngãi: 1.182.254.011 đ; KP cải tạo, khắc phục ô nhiễm môi trường công trình Bãi xử lý rác lò đốt rác xã Tân Thạnh: 81.660.874 đ		1.264	1.264	
C	Kinh phí đầu tư phát triển		33.569	33.569	
	Kinh phí thực hiện Trường Trung học cơ sở Hậu Thạnh, xã Hậu Thạnh: 5,5 tỷ; Trường TH Châu Khánh, xã Châu Khánh: 5,5 tỷ		11.000	11.000	
	Kinh phí sửa chữa hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư trên địa bàn huyện Long Phú		1.349	1.349	

ST T	Chỉ tiêu	Dự toán đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng, giảm	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
	Kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp Đường Đặng Quang Minh (đoạn từ cầu Khoan Tang đến Ngã ba Chín Đô); Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Tân Hưng, Tân Thạnh, thị trấn Long Phú; và Công trình Trường Mẫu giáo Trường Khánh, Tân Thạnh, Châu Khánh		20.040	20.040	
	Kinh phí cải tạo, nâng cấp các điểm trường học phục vụ năm học 2021-2022		1.180	1.180	
1.3	Từ khoản chi chuyển nguồn NS 2020 chuyển sang thu chuyển nguồn năm 2021		14.967	14.967	
	- Vốn đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn từ năm nay sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công		2.356	2.356	
	- Chi chuyển nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội		7.295	7.295	
	- Số dư của các đơn vị SN công lập & QLNN thực hiện kinh phí tự chủ được chuyển sang		2.696	2.696	
	- Chi chuyển nguồn các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán		2.620	2.620	
1.4	Chi từ thu kết dư ngân sách huyện năm 2020		36.323	36.323	
a	Chi đầu tư XD CB		5.839	5.839	<i>Chi tiết theo Phụ lục 7</i>
	- Chi từ 30% vượt thu NS năm 2020		969	969	
	- Chi từ vượt thu tiền sử dụng đất năm 2020		4.870	4.870	
b	Chi thường xuyên		30.484	30.484	
	- 70% tăng thu ngân sách năm 2020 để THCCTL năm 2021		2.258	2.258	
	- Các khoản kinh phí còn phải thực hiện trong năm 2021		16.667	16.667	
	- Chi bổ sung kinh phí hoạt động thường xuyên		11.012	11.012	<i>Chi tiết theo Phụ lục 7</i>
	- KP thực hiện cắt giảm, tiết kiệm thêm KP thường xuyên đã giao cho các đơn vị những tháng cuối năm 2020 (70% hội nghị, công tác phí và 10% chi thường xuyên khác)		547	547	
2	Dự toán chi bổ sung ngân sách cấp xã, thị trấn	47.646	5.005	52.651	
2.1	Bổ sung cân đối	43.409	0	43.409	
a	<i>Bổ sung cân đối</i>		-230	-230	
b	<i>Bổ sung dự phòng ngân sách xã</i>		230	230	<i>Chi tiết theo Phụ lục 5</i>

ST T	Chỉ tiêu	Dự toán đầu năm	Dự toán điều chỉnh tăng, giảm	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
2.2	Bổ sung có mục tiêu nguồn chưa phân khai	4.237		4.237	<i>Chi tiết theo Phụ lục 8</i>
2.3	Nguồn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã		2.238	2.238	
	- Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1)		165	165	
	- Kinh phí thực hiện công tác quản lý, tuyên truyền và hội thi "Tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu" thuộc Chương trình QG xây dựng NTM		180	180	
	- Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 2)		988	988	
	- Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 4)		58	58	
	- Kinh phí thực hiện đề chi HĐ duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015		165	165	
	- Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ		70	70	
	- Kinh phí để hỗ trợ thực hiện phòng, chống dịch Covid - 19 (Đợt 2)		10	10	
	- Kinh phí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 (Vốn NS TW (vốn sự nghiệp)		140	140	
	- Kinh phí để hỗ trợ thực hiện phòng, chống dịch Covid - 19 (Đợt 3)		342	342	
	Kinh phí để thực hiện sân bóng chuyên cho xã nông thôn mới		120	120	
2.4	Từ khoản chi chuyển nguồn NS 2020 chuyển sang thu chuyển nguồn năm 2021		1.375	1.375	
	- Số dư của các đơn vị giao thực hiện kinh phí tự chủ được chuyển sang		1.343	1.343	
	- Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán.		32	32	
2.5	Chi từ kết dư ngân sách xã, thị trấn năm 2020		1.392	1.392	
	- Chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng		31	31	
	- Chi thường xuyên		990	990	
	- Số kinh phí thu hồi do hết nhiệm vụ chi trả về NST		174	174	
	- KP thực hiện cắt giảm, tiết kiệm thêm KP thường xuyên đã giao cho các đơn vị những tháng cuối năm 2020 (70% hội nghị, công tác phí và 10% chi thường xuyên khác), (kết dư ngân sách xã, thị trấn)		197	197	

Phụ lục 4**CHI TIẾT PHÂN BỐ TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Long Phú)

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	Nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW:	9.101	
1	Kinh phí đã phân khai	3.489	
-	Kinh phí để thực hiện hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên đang học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập.	21	
-	Kinh phí để thực hiện hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên đang tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập.	5	
-	Kinh phí để thực hiện dịch vụ chi trả trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội quý 1 năm 2021.	64	
-	Để thực hiện dịch vụ chi trả trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội tháng 07 và tháng 08 năm 2021	64	
-	Kinh phí thực hiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông.	176	
-	Kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên đang tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập (Trường Trung cấp Công nghệ Thông tin Sài Gòn) HKI,II năm học 2020-2021	8	
-	Để thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù miễn, giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP và Nghị định 145/2018/NĐ-CP của Chính Phủ, học kỳ II năm học 2020-2021 (từ T01/2021 đến tháng 5/2021)	648	
-	Để thực hiện dịch vụ chi trả trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội tháng 07 và tháng 08 năm 2021	43	
-	Để thực hiện chi các đối tượng lĩnh vực trợ cấp bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tháng 7+8 năm 2021	1.155	
-	Để thực hiện chế độ hỗ trợ tiền ăn theo Nghị định 116/2016 học kỳ II năm học 2020 -2021 (từ T01/2021 đến tháng 5/2021)	1.305	
2	Kinh phí còn lại chưa phân khai mục tiêu giao đầu năm	5.612	

Phụ lục 5

CHI TIẾT PHÂN KHAI NGUỒN KINH PHÍ DỰ PHÒNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Long Phú)

ĐVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng (I+II)	7.979	
I	Dự phòng ngân sách địa phương giao đầu năm 202	7.114	
*	Kinh phí phân khai (dự phòng ngân sách đầu năm)	4.114	
1	Kinh phí thực hiện chi trợ cấp đột xuất cho hai hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn bị hỏa hoạn xã Phú Hữu, huyện Long Phú	10	
2	Kinh phí thực hiện chi trợ cấp đột xuất mai táng phí cho hai hộ gia đình trẻ em bị đuối nước xã Long Phú, huyện Long Phú	11	
3	Kinh phí thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2021	55	
4	Kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do)	3.404	(50% dự phòng đầu năm)
5	Kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) Nghị quyết 68/NQ-CP	153	Phân bổ theo Điều 1 QĐ số 2354/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 (Trong nguồn dự phòng đầu năm)
6	Kinh phí thực hiện mua hóa chất, vật tư y tế thiết yếu phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid - 19	244	Đề nghị cấp bổ sung kinh phí Đợt 3: 400 triệu đồng tinh thẩm định cấp 56 triệu đồng .
7	Kinh phí thực hiện nhà vệ sinh tạm tại khu cách ly y tế tập trung các điểm trường MG Long Đức, THCS TT Long Phú, THCS Long Đức, THCS Long Phú (xã Long Phú); Nhà vệ sinh tạm tại khu cách ly y tế tập trung các điểm Trường MG Tân Thạnh, THPT và Nhà vệ sinh tạm tại khu cách ly y tế tập trung các điểm trường THCS-THPT Tân Thạnh, THCS Đại Ngãi, THCS và THPT Dương Kỳ Hiệp, tiểu học TT Long Phú A, huyện Long Phú. Lương Định Của, tiểu học Trường Khánh A, huyện Long Phú.	60	Đề nghị cấp bổ sung kinh phí Đợt 4: 2,934 triệu đồng, tinh thẩm định cấp 2,874 triệu đồng .

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
8	Kinh phí thực hiện trang thiết bị âm thanh loa di động phục vụ khu cách ly y tế tập trung trên địa bàn huyện Long Phú (08 loa)	71	
9	Kinh phí thực hiện Nhà vệ sinh tạm tại khu cách ly y tế tập trung các điểm trường tiểu học và THCS Song Phụng, TH Long Đức C, THCS Tân Thạnh, MG Song Phụng, MG Hậu Thạnh. MG Trường Khánh, huyện Long Phú.	62	
10	Kinh phí mua sắm Huyết áp kế điện tử trang bị cho các tiêm ngừa vaccine Covid-19 trên địa bàn huyện Long Phú	44	
II	Kinh phí Dự phòng (từ nguồn kinh phí cắt giảm, tiết kiệm chuyển sang)	865	
*	Kinh phí phân khai (tiết kiệm chuyển sang dự phòng)	865	
1	Ngân sách huyện	635	
1.1	Kinh phí thực hiện mua hóa chất, vật tư y tế thiết yếu phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid - 19	635	Kinh phí thực hiện 937.000.000 đồng (Nguồn KP cắt giảm tiết kiệm 635.522.000 đồng và nguồn bổ sung có mục tiêu 301.478.000 đồng)
2	Ngân sách xã	230	
2.1	Kinh phí hỗ trợ công tác phòng chống dịch cho thị trấn Long Phú và xã Long Phú (QĐ 399/QĐ-UBND 05/8/2021)	20	
2.2	Kinh phí hỗ trợ công tác phòng chống dịch cho các xã, thị trấn (QĐ 400/QĐ-UBND 05/8/2021)	210	Kinh phí thực hiện 220.000.000 đồng (Nguồn KP cắt giảm tiết kiệm 209.585.000 đồng và nguồn bổ sung có mục tiêu 10.415.000 đồng)
*	Tổng cộng kinh phí phân khai	4.979	
*	Kinh phí còn lại chưa phân khai	3.000	

Phụ lục 6

CHI TIẾT PHÂN KHAI KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12 /2021 của Hội đồng nhân dân huyện Long Phú)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	8.913	
I	Nguồn kinh phí hỗ trợ sản phẩm phục vụ công ích thủy lợi	4.600	
*	Công trình chuyển tiếp	46	
1	Nạo vét HTTL nội đồng ấp Cái Quanh, Ngã Tư, xã Tân Thạnh, huyện Long Phú.	1	
2	Nạo vét kênh Nam Sông Hậu, kênh Ba Tre, kênh Bệnh Viện, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú.	45	
*	Công trình khởi công mới	4.554	
3	Nạo vét HTTL nội đồng ấp Phú Đa, xã Phú Hữu, huyện Long Phú.	1.103	
4	Nạo vét HTTL nội đồng ấp KoKô, Tân Qui B, xã Tân Hưng, huyện Long Phú.	579	
5	Nạo vét HTTL nội đồng ấp Cái Đường, xã Tân Thạnh, huyện Long Phú.	1.182	
6	Nạo vét HTTL nội đồng ấp Tân Lập, ấp Kinh Ngang, xã Long Phú, huyện Long Phú.	1.198	
7	Nâng cấp bờ bao ngăn nước ấp Trường Thọ, xã Trường Khánh, huyện Long Phú.	492	
II	Nguồn kinh phí tỉnh bổ sung mục tiêu từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh	3.049	
1	Xử lý các điểm sạt lở trên địa bàn xã Song Phụng	445	
2	Xử lý các điểm sạt lở trên địa bàn xã Phú Hữu	1.130	
3	Xử lý các điểm sạt lở trên địa bàn xã Long Đức	384	
4	Xử lý các điểm sạt lở trên địa bàn xã Trường Khánh	574	
5	Xử lý các điểm sạt lở trên địa bàn xã Châu Khánh	516	
III	Nguồn kinh phí tỉnh bổ sung mục tiêu từ nguồn sự nghiệp môi trường	1.264	
1	Xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, sửa chữa, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật công thoát nước thải công cộng đoạn từ Trường mầm non TT Đại Ngãi đến sông Saintard, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú	1.182	
2	Cải tạo, khắc phục ô nhiễm môi trường công trình Bãi xử lý rác lò đốt rác xã Tân Thạnh	82	

Phụ lục 7

CHI TIẾT PHÂN KHAI NGUỒN KINH PHÍ KẾT DƯ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Long Phú)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
(1)	Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Nguồn thu vượt tiền sử dụng đất và thu vượt ngân sách năm 2020 (30% vượt thu NS năm 2020: 969 triệu đồng + Vượt thu tiền sử dụng đất năm 2020 04 tỷ 870 triệu đồng)	5.839	
1	Thực hiện chi đầu phát triển	3.954	
1.1	Nạo vét HTTL nội đồng ấp 1, ấp 2, xã Châu Khánh, huyện Long Phú	4	
1.2	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.	14	
1.3	Thanh toán các khoản chi phí khác để tắt toán	430	
1.4	Nạo vét HTTL nội đồng xã Long Phú, huyện Long Phú	607	
1.5	Nạo vét HTTL nội đồng ấp Thạnh Đức, ấp Lợi Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú.	366	
1.6	Nâng cấp - mở rộng đường cấp Trường tiểu học thị trấn Long Phú C, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú.	387	
1.7	Cải tạo hàng rào UBND xã Châu Khánh, huyện Long Phú.	198	
1.8	Nâng cấp, cải tạo hàng rào UBND huyện Long Phú	866	
1.9	San lấp mặt bằng khu hành chính UBND xã Song Phụng (cấp Quốc lộ Nam Sông Hậu)	1.082	
2	Kinh phí còn lại chưa phân khai kết dư	1.885	
(2)	Chi bổ sung kinh phí hoạt động thường xuyên	11.012	
1	Kinh phí đã phân khai	6.683	
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Quân sự địa phương.	333	
1.2	Kinh phí thực hiện tổ chức Hội nghị báo cáo viên trực tuyến.	8	
1.3	Kinh phí thực hiện chi khen thưởng tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên năm 2020.	60	
1.4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ QS địa phương để hỗ trợ tổ chức Lễ giao nhận quân về công tác tuyển quân, công tác hậu cần và mua vật chất chuyên ngành đảm bảo Lễ giao nhận quân.	136	
1.5	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ QS địa phương để hỗ trợ hoạt động Lễ giao nhận quân và BQSC doanh trại.	235	
1.6	Kinh phí để thực hiện hợp đồng đặt hàng truyền nhiệm vụ chính trị (Trang địa phương).	111	

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1.7	Kinh phí để thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường, thị trấn, thời kỳ 1975-2015	45	
1.8	Kinh phí thực hiện tổ chức Hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền NQ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.	30	
1.9	Kinh phí thực hiện thẩm định phê duyệt công bố công khai sử dụng đất đến năm 2030.	10	
1.10	Kinh phí hỗ trợ mẫu biểu hộ tịch cho địa phương.	54	
1.11	Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp thôi việc đối với Bà Kiều Thị Lưu Luyến	63	
1.12	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chế độ lực lượng dân quân tự vệ trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp NK 2021-2026.	65	
1.13	Kinh phí thực hiện phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 2).	235	
1.14	Kinh phí thực hiện kiểm tra tình hình sản xuất và thiệt hại lúa trên địa bàn huyện.	47	
1.15	Kinh phí thực hiện chi cắt cây kiếng, mua cây kiếng, thay chậu kiếng trong khuôn viên Nghĩa trang Liệt sĩ huyện và cải tạo, trồng thêm sen trong ao sen.	65	
1.16	Kinh phí để thực hiện cắm mốc ranh khu đất công tại ấp 3, Thị trấn Long Phú, huyện Long Phú.	22	
1.17	Kinh phí hỗ trợ Hội đồng thi Tốt nghiệp THPT - Điểm thi Trường THPT Lương Định của năm 2021.	30	
1.18	Kinh phí hỗ trợ tiền xe đưa rước học sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021.	7	
1.19	Kinh phí chi phụ cấp kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện từ tháng 02/2018 đến tháng 12/2021.	42	
1.20	Kinh phí hỗ trợ thi tốt nghiệp đưa rước học sinh tham gia kỳ thi THPT năm 2021, huyện Long Phú.	10	
1.21	Kinh phí hỗ trợ Hội đồng thi Tốt nghiệp THPT tại Điểm thi Trường THPT Đại Ngãi năm 2021, huyện Long Phú.	30	
1.22	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ QS địa phương tổ chức thăm tân binh và dự lễ tuyên thệ chiến sỹ mới ở các đơn vị năm 2021.	52	
1.23	Kinh phí hỗ trợ in Niên giám thống kê năm 2020 của huyện Long Phú.	11	

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1.24	Kinh phí tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII, triển khai kết luận 01-KL/TW của Bộ Chính trị và Hội nghị nghiên cứu, học tập chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng - chuyên đề năm 2021.	7	
1.25	Kinh phí để chi lương và các khoản đóng góp cho công chức được nâng ngạch lương chuyên viên chính và nâng bậc lương trước thời hạn.	44	
1.26	Để chi kinh phí tập huấn trực tuyến Modul 2 cho cán bộ quản lý, giáo viên năm 2020 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Theo QĐ 479/QĐ-UBND)	210	
1.27	Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bảo vệ kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021	15	
1.28	Trợ cấp thôi việc cho Ông Nguyễn Thanh Điền	24	
1.29	Nâng bậc lương trước hạn Công chức	35	
1.30	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, đợt I năm 2021 trên địa bàn huyện Long Phú (Đối ứng từ nguồn kết dư ngân sách huyện)	15	
1.31	Để tổ chức Lễ viếng Nghĩa trang Liệt, sĩ, kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2021)	39	
1.32	Mua sách giáo khoa lớp 1 năm học 2021-2022 (QĐ số 451/QĐ-UBND ngày 10/9/2021)	178	
1.33	Để thực hiện lập quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Nam Sông Hậu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tỷ lệ 1/500	450	
1.34	Để tổ chức Hội nghị Tổng kết nhiệm kỳ 2016-2021 của Ban Đại diện Hội Người cao tuổi	1	
1.35	Để thực hiện nhiệm vụ quân sự địa phương năm 2021	50	
1.36	Kinh phí thực hiện tham gia Hội thi trực tuyến cải cách hành chính năm 2021	6	
1.37	Kinh phí hỗ trợ khám sơ tuyển sức khỏe nghĩa vụ Quân sự năm 2022	79	
1.38	Để hỗ trợ chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua năm 2021	150	
1.39	Để đảm bảo kinh phí phục vụ hoạt động của Huyện ủy theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị của huyện	600	

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1.40	Để thực hiện biên soạn lịch sửa Đảng bộ xã, phường, thị trấn thời kỳ 1975-2015 (Đối ứng từ nguồn kết dư ngân sách huyện)	30	
1.41	Để đảm bảo kinh phí phục vụ hoạt động của Thường trực UBND huyện theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị của huyện	1.000	
1.42	Hỗ trợ kinh phí tổ chức họp mặt nhân dịp Lễ Sên ĐolTa năm 2021 trên địa bàn huyện Long Phú	38	
1.43	Kinh phí để sửa chữa cống 26/3 trên đường 22 xã Phú Hữu và đường cống Cái Oanh đến cống Cái xe xã Tân Thạnh, huyện Long Phú.	317	
1.44	Kinh phí thực hiện trang thiết bị âm thanh loa di động phục vụ khu cách ly y tế tập trung trên địa bàn huyện Long Phú	89	
1.45	Kinh phí thực hiện khám sức khỏe định kỳ đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý năm 2021	289	
1.46	Kinh phí thực hiện chính sách phụ cấp thu hút và phụ cấp lâu năm theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ (QĐ số 1004/QĐ-UBND ngày 10/11/2021)	896	
1.47	Kinh phí thực hiện chính sách phụ cấp thu hút và phụ cấp lâu năm theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ	247	
1.48	Kinh phí thực hiện chi chênh lệch lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của viên chức	11	
1.49	Kinh phí hỗ trợ phục vụ cho công tác điều tra, KS tính thuế, lập niêm yết công khai bộ thuế	50	
1.50	Kinh phí chi trả tiền điện thấp sáng công cộng nội ô 02 thị trấn tháng 11/2021	52	
1.51	Kinh phí chi trả tiền điện thấp sáng công cộng nội ô 02 thị trấn tháng 12/2021	60	Dự kiến chi
2	Kinh phí còn lại chưa phân khai kết dư	4.329	

Phụ lục 8

**CHI TIẾT PHÂN KHAI NGUỒN KINH PHÍ CHƯA PHÂN KHAI
NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Long Phú)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Nguồn chưa phân khai năm 2021:	4.237	
I	Kinh phí phân khai	3.166	
1	Kinh phí sửa chữa hệ thống đèn đường chiếu sáng công cộng nội ô thị trấn Long Phú phục vụ Tết nguyên đán Tân Sửu và các ngày lễ lớn trong năm 2021	61	
2	Kinh phí làm đê cở nước tuyến đường từ Nghĩa trang liệt sỹ ấp 4 đến giáp ranh xã Tân Hưng và tuyến đường từ cầu chợ Tân Long ấp 5 đến UBND thị trấn Long Phú	32	
3	Kinh phí mua cở nước, quét vôi lăn bê đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ, vòng xoay ngã ba Huyện ủy ngã ba Chín Đô, thị trấn Long Phú	77	
4	Kinh phí chi trả thuê lao động làm vệ sinh, chăm sóc cây xanh tuyến đường Đặng Quang Minh nội ô thị trấn Long Phú	164	
5	Kinh phí xây dựng công trào nông thôn mới xã Long Phú	43	
6	Kinh phí ủy ban nhân dân các xã, thị trấn để hỗ trợ các Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, huyện Long Phú	232	
7	Kinh phí chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70,75,80,85,95 và trên 100 tuổi năm 2021	365	
8	Kinh phí chi trả trợ cấp nghỉ việc đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thị trấn và ấp trên địa bàn huyện Long Phú	545	
9	Kinh phí chi trả tiền công lao động làm vệ sinh, chăm sóc cây xanh trên tuyến đường Đặng Quang Minh nội ô thị trấn Long Phú	42	
10	Kinh phí tiền điện thấp sáng Tháng 8+ tháng 9 năm 2021 (TTLP: 59.132.418 đồng và TTĐN: 3.868.806 đồng)	63	
11	Kinh phí tiền điện thấp sáng tháng 10 năm 2021 (TTLP: 31.801.439 đồng và TTĐN: 18.618.488 đồng)	51	
12	Kinh phí Chênh lệch khu dân cư (xã khó khăn và xã không khó khăn). Để hỗ trợ các chi hội thuộc các tổ chức Chính trị -XH thuộc các xã đặc biệt khó khăn và kinh phí thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết XD NTM, đô thị văn minh" của UB MT tổ quốc VN cấp xã và Ban công tác mặt trận ở khu dân cư	104	
13	Kinh phí thực hiện chính sách phụ cấp thu hút và phụ cấp lâu năm theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ	1.383	
14	Kinh phí chi trả phụ cấp hoạt động phí Đại biểu Hội đồng nhân xã Trường khánh năm 2021 (tăng thêm 02 Đại biểu)	4	
II	Kinh phí cải cách tiền lương	643	
III	Kinh phí còn lại chưa phân khai	428	